

Việt Nam trong cục diện kinh tế thế giới

Võ Đại Lược¹, Phạm Văn Nghĩa²

¹ Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương.

Email: vodailuoc@gmail.com

² Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Email: phamnghia2008@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 2 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 2 năm 2019.

Tóm tắt: Những biến động của cục diện kinh tế thế giới đang và sẽ tác động mạnh mẽ tới tình hình phát triển kinh tế ở Việt Nam. Bài viết phân tích những khó khăn và đưa ra giải pháp cho Việt Nam trong điều kiện nền kinh tế - xã hội Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức. Nhưng, Việt Nam muốn phát triển, muốn bứt phá thì không thể không thực hiện những giải pháp tổng thể, toàn diện với nhiều đột phá, bởi thực tiễn thế giới đã chứng minh, không có một nước nào đạt được phát triển mà không phải trải qua con đường đầy chông gai này.

Từ khóa: Cục diện kinh tế thế giới, phát triển kinh tế, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: The fluctuations of the world economy are making and will continue to make strong impacts on the economic development in Vietnam. The paper analyses difficulties and offers solutions for the country in the context that its economy and society have been facing various challenges. But, if Vietnam wants to leapfrog, it cannot but implement holistic and comprehensive solutions with many breakthroughs, because what happened in the world has proven that no countries have achieved development without taking the thorny path.

Keywords: World economic situation, economic development, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Cục diện kinh tế thế giới trong thời gian tới sẽ diễn biến phức tạp, rất khó dự báo. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 diễn ra mạnh mẽ đã làm thay đổi hoàn toàn phương thức

quản trị kinh doanh, quản trị quốc gia; chủ nghĩa dân túy, dân tộc ngày càng nở rộ; toàn cầu hoá và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng, trật tự kinh tế quốc tế cũng đang trong thời kỳ biến động... đã, đang và sẽ tác động tới kinh tế các khu vực và quốc gia trên thế

giới, trong đó có Việt Nam. Bài viết phân tích cục diện kinh tế thế giới và định hướng phát triển của Việt Nam.

2. Cục diện kinh tế thế giới

Dựa trên việc phân tích toàn diện những biến số của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, toàn cầu hóa và chủ nghĩa bảo hộ... cục diện kinh tế thế giới sẽ diễn ra theo một trong ba kịch bản sau đây.

Kịch bản thứ nhất, trong giai đoạn 2015-2018, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của kinh tế thế giới chỉ dao động bình quân khoảng 3%/năm, nghĩa là nền kinh tế thế giới vẫn hồi phục chậm chạp. Kinh tế Mỹ vẫn tăng trưởng trì trệ, bình quân trên 2%/năm, kinh tế Nhật Bản tăng trưởng bình quân trên 0,5%/năm, kinh tế khu vực đồng euro tăng trưởng bình quân dưới 2%/năm, còn kinh tế Trung Quốc, động lực chính của kinh tế thế giới tiếp tục suy giảm, chỉ đạt bình quân khoảng 6,5%/năm. Tốc độ tăng trưởng thương mại toàn cầu bình quân chỉ đạt 1,7-1,8%/năm, thấp nhất kể từ năm 2008. Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) toàn cầu giảm bình quân khoảng 10%-15%/năm. Trong những năm tới, tình hình tăng trưởng kinh tế toàn cầu trì trệ trên đây có thể vẫn tiếp tục, nếu có điều chỉnh nào đó cũng khó có thể đạt được mức cao hơn rõ rệt.

Trật tự kinh tế quốc tế cũng đang ở thời kỳ biến động. Hệ thống kinh tế thế giới tuy vẫn do Mỹ chi phối thông qua các tổ chức quốc tế, như: IMF, G7... nhưng đã xuất hiện những lực lượng mới nổi như Trung Quốc, Ấn Độ, nhóm nước G20. Nhưng có thể nói là, toàn cầu hóa tiên tri đã làm cho trật tự kinh tế quốc tế hiện nay trở nên bất cập xét về mặt quản trị toàn cầu, quản trị quốc gia và cả ở cấp quản trị doanh nghiệp. Sự phát triển trì trệ của nền kinh tế

thế giới hiện nay là biểu hiện rõ rệt sự bất cập đó.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 cho ra đời khái niệm về sản xuất thông minh dựa trên những thành tựu trong lĩnh vực công nghệ thông tin, sinh học và công nghệ số, như: điện toán đám mây, thiết bị di động thông minh, trí tuệ nhân tạo (AI) và vạn vật kết nối Internet (IoT). Trí tuệ nhân tạo có khả năng tự động hóa một số kỹ năng như lập luận, khả năng ngôn ngữ, những khối dữ liệu lớn, xử lý ngôn ngữ và hình ảnh, dịch văn bản tự động, dịch thuật qua giọng nói... Tuy nhiên, trí tuệ nhân tạo chưa thể thay thế bộ óc con người trong lĩnh vực sáng tạo.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ dẫn đến những hệ quả xã hội nghiêm trọng. Ngân hàng Thế giới (WB) ước tính cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ đe dọa 5,7% việc làm của 35 nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), Mỹ và Trung Quốc tương ứng sẽ là 47% và 77%. Một ước tính khác cho rằng, 65% trẻ em tiểu học hiện nay sẽ phải chuẩn bị hành trang cho công việc trong những lĩnh vực chưa từng tồn tại. Do vậy, khả năng ứng biến linh hoạt là vô cùng quan trọng trong kỷ nguyên cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 sẽ tác động tiêu cực tới nhóm lao động tay nghề thấp, thì ngược lại nhóm những người giàu có sẽ càng giàu có hơn. Những quốc gia có khả năng linh hoạt hơn, sáng tạo cao hơn sẽ được hưởng lợi nhiều hơn. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 này chắc chắn sẽ có tác động nhiều mặt tới cục diện kinh tế thế giới trong thời gian tới.

Kịch bản thứ hai, cục diện kinh tế thế giới có thể có đặc trưng là kinh tế thế giới sẽ có những chuyển biến tích cực cả về tốc độ tăng trưởng và các xu thế phát triển.

Tốc độ tăng trưởng GDP thế giới có thể đạt 3,5% trở lên, tốc độ tăng trưởng thương

mại thế giới sẽ đạt mức xấp xỉ mức tăng trưởng GDP, dòng vốn FDI toàn cầu sẽ chấm dứt thời kỳ tăng trưởng âm.

Các xu hướng phát triển chủ yếu của thế giới sẽ theo hướng tích cực: các cuộc chiến tranh và xung đột sẽ được chấm dứt, xu thế hoà bình, phát triển và hợp tác sẽ chi phối thế giới; trào lưu chống toàn cầu hóa bảo hộ mậu dịch sẽ lùi vào dĩ vãng, các cuộc đàm phán của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) sẽ đạt các kết quả thiết thực, trật tự thế giới đa cực, không có đối đầu sẽ chiếm ưu thế...

Kịch bản thứ ba, cục diện kinh tế thế giới sẽ sa vào một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng hơn; tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ giảm sâu cả về GDP, kim ngạch thương mại và dòng vốn đầu tư. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tiến triển chậm chạp, các cuộc chiến tranh và xung đột sắc tộc tiếp tục bùng phát, đặc biệt là xung đột Trung - Mỹ có thể bùng phát thành chiến tranh thế giới. Phong trào chống toàn cầu hóa lan rộng, chủ nghĩa dân túy, các biện pháp bảo hộ mậu dịch phát triển, WTO sẽ rơi vào trạng thái tê liệt, các tổ chức như IMF, WB cũng không còn hoạt động hữu hiệu... Đây là kịch bản xấu nhất không ai mong đợi, nhưng không thể không dự báo, vì đây sẽ là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới không chỉ theo chu kỳ 8-10 năm, mà theo chu kỳ dài hàng chục năm mới có một lần. Theo David Baverez (2017), ngòi nổ của cuộc khủng hoảng mới này sẽ bắt đầu từ Trung Quốc, do nền tài chính nợ của quốc gia này đã tăng quá nhanh trong 10 năm qua, tăng nhanh nhất thế giới, đặc biệt là từ năm 2008 [9].

3. Định hướng phát triển của Việt Nam

Thứ nhất, đổi mới tư duy phát triển. Cục diện kinh tế thế giới trong những thập kỷ

qua và trong các thập kỷ tới đã, đang và sẽ thay đổi một cách nhanh chóng, có đặc trưng của một thời kỳ đại biến động. Tuy nhiên, tư duy của con người đã không thay đổi kịp, tạo ra một độ trễ, thậm chí tụt hậu. Do vậy, các chiến lược, chính sách, thể chế của các quốc gia đã không thay đổi kịp. Đây là một nguyên nhân cơ bản làm cho tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thế giới cũng như các quốc gia hiện đang xấu đi. Thực tiễn ở Việt Nam cũng tương tự. Trong hơn 30 năm qua, công cuộc đổi mới đã trải qua một chặng đường quan trọng, mang lại những kết quả to lớn, nhưng từ cuối những năm 2000 đến nay, Việt Nam đã biến đổi vượt quá tư duy và quan điểm phát triển được hình thành vào thời kỳ đầu đổi mới. Vì thế, việc đổi mới tư duy phát triển ở Việt Nam đang là vấn đề cấp bách hiện nay và cũng là điều kiện để thực hiện các giải pháp.

Thứ hai, đẩy mạnh tiến trình hội nhập quốc tế. Bối cảnh cơ cấu lại nền kinh tế thế giới là cơ hội cho Việt Nam nhìn nhận lại tư duy phát triển trong quá trình hội nhập ngày càng sâu rộng, trong đó có nhận thức mới về công nghiệp hoá, hiện đại hoá, về mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với quy luật và xu thế chung, từ đó đẩy mạnh cải cách, điều chỉnh để vượt qua những cản trở đối với sự phát triển nhanh và bền vững.

Hội nhập kinh tế theo chiều sâu cũng có nghĩa là tạo một sự chuyển biến căn bản trong cơ cấu và thể chế kinh tế, nói đúng hơn là phải làm cho nền kinh tế Việt Nam trở thành một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế thế giới và khu vực, phát huy mạnh mẽ lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trong những ngành, lĩnh vực mà Việt Nam có lợi thế. Việt Nam cần coi trọng hội nhập đồng thời cả trên ba cấp độ toàn cầu, khu

vực và song phương nhưng cần xác định đối tác chiến lược là quyết định.

Kinh nghiệm thành công của các nền kinh tế Châu Á trong nhiều thập kỷ qua cho thấy, khu vực doanh nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong kinh tế đối ngoại. Nhiều chuyên gia quốc tế cũng đã khuyến cáo, Việt Nam cần phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt hỗ trợ sự hình thành các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn có khả năng thực hiện nghiên cứu triển khai áp dụng các công nghệ sản xuất tiên tiến, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, có khả năng hoạt động xuyên quốc gia.

Trong 10 năm tới, do theo đuổi các mục tiêu về năng lượng và tài nguyên biển, xung đột và tranh chấp trong ASEAN, cũng như giữa các nước ASEAN với Trung Quốc, nhất là tranh chấp trên biển Đông sẽ gia tăng mạnh, thậm chí rất “nóng”. Tình hình chính trị bất ổn, các xung đột tôn giáo, sắc tộc ở nhiều nước ASEAN vẫn có thể diễn ra, thậm chí có thể lan sang các nước láng giềng. Vì thế, chắc chắn chúng ta sẽ luôn phải đối mặt với các cú sốc, mưu toan, sức ép đến từ bên ngoài.

Tại khu vực, Trung Quốc sẽ muốn mở rộng vành đai an ninh lãnh thổ của mình ở khu vực Đông Nam Á và sẽ có nhiều đòi hỏi đối với chủ quyền trên biển Đông. Song điều cốt yếu là, Việt Nam cần có chiến lược và sách lược hợp lý để tận dụng sức mạnh tập thể, luật pháp quốc tế và sự ủng hộ từ phía cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết tranh chấp trên biển Đông một cách hòa bình và có lợi cho đất nước ta. Đồng thời, khu vực cũng đang đẩy nhanh xu hướng tăng cường hội nhập kinh tế, coi đây là giải pháp hữu hiệu bảo đảm an ninh và phát triển. Điều này đặt ra thách thức cần theo dõi sát các chuyển dịch địa chính trị, địa kinh tế của khu vực, đầu tư thích đáng cho nghiên cứu chiến lược, đề xuất các sáng kiến phối hợp chủ quyền thông qua hội

nhập khu vực, giải quyết tranh chấp chủ quyền trên đất liền và trên biển.

Thứ ba, đổi mới thể chế. Đổi mới hệ thống thể chế của Việt Nam hiện nay phải hướng tới hiện đại và hội nhập quốc tế, nghĩa là phải lấy tiêu chí của những thể chế hiện đại tiên tiến nhất để hướng tới. Thể chế hành chính và kinh tế sẽ được nhìn nhận ở đây ít nhất từ ba lĩnh vực: luật pháp, bộ máy điều hành và phương thức điều hành.

Đối với hệ thống luật pháp: 1) phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế là một định hướng chung nhất cho sự đổi mới hệ thống luật pháp Việt Nam. 2) hàng năm, cần thẩm định thường xuyên hệ thống luật pháp Việt Nam theo hướng: loại bỏ những điều luật đã lạc hậu, ban hành các luật mới chưa có, sửa đổi và hoàn thiện những điều luật còn khiếm khuyết. Cần thành lập các tổ chuyên gia liên ngành với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế và chuyên gia nước ngoài, xây dựng một hệ quan điểm làm cơ sở cho việc soạn thảo các nhóm luật cơ bản có quan hệ với nhau như: nhóm luật về tài chính tiền tệ, về bất động sản, về thương mại, nhóm luật về hành chính. 3) cần có những tổ chức phản biện độc lập đối với tất cả các dự án luật trước khi trình ra Quốc hội. Các tổ chức này nên là các hội khoa học, hội ngành nghề, các chuyên gia độc lập.

Đổi mới bộ máy và phương thức điều hành. Cần kiện toàn lại các cơ quan tư vấn theo hướng: xây dựng các cơ quan tư vấn chiến lược trực thuộc các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước, gia tăng các chuyên gia và học giả kể cả các học giả nước ngoài trong các hội đồng tư vấn chuyên ngành, kiện toàn các viện nghiên cứu trong nước theo hướng chuyên sâu mang tầm chiến lược, quy tụ các chương trình nghiên cứu trọng điểm cấp nhà nước theo hướng phục vụ các mục tiêu chiến lược, thiết lập mối quan hệ trực tiếp giữa lãnh đạo cấp cao với

các chuyên gia đầu ngành, các cơ quan tư vấn cấp cao.

Cơ cấu lại chức năng điều hành của Nhà nước theo hướng: gia tăng chức năng hoạch định chiến lược, chính sách, luật pháp, gia tăng vai trò kiểm tra, giám sát, thưởng phạt, xử lý các vụ việc sai trái, gia tăng các chức năng ổn định kinh tế vĩ mô, xây dựng kết cấu hạ tầng, kiểm soát độc quyền, bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, thực thi các dịch vụ công... giảm bớt cơ chế “xin - cho”, loại bỏ các hoạt động kinh doanh, hạn chế các biện pháp hành chính.

Cần cơ cấu lại theo hướng phân quyền cho các đô thị lớn hơn các tỉnh. Quyền của các địa phương lớn đến đâu tùy thuộc chủ yếu vào trình độ phát triển của các địa phương, vào tính đặc thù của các địa phương, chứ không phải vào quy mô dân số.

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa: 1) cần đảm bảo các tín hiệu của thị trường luôn phản ánh nhanh nhạy các biến động của thị trường và phát huy được vai trò điều tiết của nó. Sửa đổi Luật Cạnh tranh theo hướng hiện đại để có thể kiểm soát, ngăn chặn hữu hiệu mọi hành vi độc quyền. Cần có những chế tài ngăn cấm các hành động độc quyền. Thực hiện nền kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, đồng tiền Việt Nam được chuyển đổi tự do. 2) hoàn thiện và phát triển đồng bộ các loại thị trường, trong đó có hai thị trường rất cơ bản và quan trọng là thị trường tài chính và thị trường bất động sản. Hai thị trường này phát triển lành mạnh thì kinh tế phát triển lành mạnh và ngược lại.

Nhà nước phải đổi mới theo hướng hiện đại với các tiêu chí: liêm chính, trí tuệ, kiến tạo và phát triển.

Thứ tư, đổi mới hệ thống doanh nghiệp, phát triển kinh tế nhà nước và các thành phần kinh tế. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước (DNNN) theo hướng giảm tỷ

trọng DNNN giữ cổ phần chi phối xuống mức trung bình khu vực khoảng 10-15% GDP. Ưu tiên cho các doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Việt Nam tham gia cổ phần hóa các DNNN. Chỉ những DNNN không có DNTN Việt Nam nào muốn tham gia cổ phần thì mới mời doanh nghiệp FDI. Đây cũng chính là biện pháp phát triển khu vực DNTN Việt Nam; các DNNN thu gọn và tập trung vào các lĩnh vực: dịch vụ công, một số lĩnh vực mà tư nhân không có khả năng kinh doanh, những lĩnh vực an ninh quốc phòng có tính bí mật quốc gia, những lĩnh vực công nghệ đột phá; các DNNN hoạt động hiệu quả cần cổ phần hóa trước nhất, Nhà nước vừa thu hồi được vốn, vừa thu được thuế, vừa không phải bao cấp; sửa lại Luật Đầu tư nước ngoài theo hướng: chỉ ưu đãi cho các doanh nghiệp FDI đầu tư trong các lĩnh vực công nghệ hiện đại và công nghệ cao, có cam kết chuyển nhượng công nghệ cho phía Việt Nam; hạn chế các doanh nghiệp FDI 100% vốn nước ngoài trong một số lĩnh vực, khuyến khích liên doanh liên kết; sửa Luật Đấu thầu theo hướng lấy chất lượng và hiệu quả làm tiêu chuẩn quan trọng nhất, chứ không phải giá thấp; ưu đãi cho các DNTN Việt Nam trong việc cho vay vốn, cho thuê mặt bằng, giảm các thủ tục phiền hà, những nhiễu... phù hợp với Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, xác định các DNTN là một động lực quan trọng.

Nếu Việt Nam định hướng phát triển các thành phần kinh tế không có lợi thế cạnh tranh, thì nền kinh tế sẽ rơi vào thế yếu và kém hiệu quả. Do vậy, cần có những phân tích đánh giá khoa học và phù hợp với thực tế.

Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước hiện nay là: ổn định, điều tiết, nêu gương, định hướng nền kinh tế. Nhà nước phải sử dụng các công cụ thể chế gồm: luật pháp, hành pháp và tư pháp, các công cụ kinh tế

gồm tiền tệ, tài chính, các xí nghiệp quốc doanh. Phát triển mạnh mẽ khu vực tư nhân, đặc biệt là DNTN trong những ngành và lĩnh vực không bị cấm, xem khu vực kinh tế tư nhân là động lực chủ yếu của nền kinh tế; mọi thành phần kinh tế đều là những bộ phận cấu thành nền kinh tế quốc dân định hướng xã hội chủ nghĩa, đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt đối xử; Nhà nước không tập trung hỗ trợ cho khu vực kinh tế quốc doanh, mà chỉ hỗ trợ trong những trường hợp cần thiết, dù đó là quốc doanh hay tư nhân; các cơ sở quốc doanh tiếp tục cổ phần hóa, đưa lên sàn chứng khoán, chuyển dịch về đúng những vị trí cần thiết, kiểm soát chặt chẽ các hành vi độc quyền; hàng năm nên thuê kiểm toán quốc tế kiểm toán một số tập đoàn, tổng công ty nhà nước, để có thể đánh giá sát thực hoạt động của các tổ chức này; thực hiện chế độ quản trị các doanh nghiệp nhà nước theo các nguyên tắc quản trị hiện đại. Có thể thí điểm thuê các nhân tài nước ngoài làm tổng giám đốc một số công ty quốc doanh.

Thứ năm, chú trọng phát triển khoa học công nghệ để bắt nhịp thành công với cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0.

a) Chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong và ngoài nước. Muốn thu hút nhân tài từ nước ngoài thì trước hết phải trọng dụng các nhân tài trong nước. Ngày nay, thị trường nhân tài thế giới là một thị trường tương đối tự do và đang diễn ra một cuộc chiến tranh giành các nhân tài. Tất cả các nước phát triển đều có chính sách trọng dụng nhân tài, phát hiện nhân tài, tạo điều kiện thuận lợi cho họ nghiên cứu phát triển, sáng tạo và được hưởng đãi ngộ đặc biệt. Các nước đang và kém phát triển chưa có một chính sách nhân tài phù hợp, nên đang có một dòng chảy nhân tài từ các nước này sang các nước phát triển, đặc biệt là chảy về Mỹ.

b) Định hướng nhập khẩu ý tưởng phát triển là một định hướng ưu tiên hàng đầu. Thực tế, một số nước phát triển thành công cho thấy họ đã áp dụng phương thức thuê các công ty tư vấn hàng đầu thế giới tư vấn, quy hoạch, thiết kế, phản biện... Đây là một phương pháp lựa chọn ý tưởng có hiệu quả thực tế cao. Những hình thức hội thảo quốc tế, tổ chức các đoàn đi nghiên cứu khảo sát, thực tập ở nước ngoài... cũng là hình thức đang được áp dụng phổ biến.

c) Nhập khẩu bằng phát minh sáng chế và công nghệ hiện đại. Nghiên cứu ban hành một thể chế mới khuyến khích nhập khẩu bằng phát minh sáng chế, nghiên cứu ứng dụng triển khai vào Việt Nam theo hướng trợ cấp, miễn phí nhập khẩu, miễn thuế, hỗ trợ tín dụng và mặt bằng cần thiết; Nhà nước đầu tư cho một số trung tâm nghiên cứu ứng dụng nhập khẩu bằng phát minh sáng chế, áp dụng và thương mại hóa; khuyến khích các tập đoàn nước ngoài thành lập các trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới ở Việt Nam; khuyến khích các tập đoàn, các công ty Việt Nam nhập khẩu bằng phát minh sáng chế, ứng dụng vào Việt Nam.

Thứ sáu, đổi mới cơ cấu ngành và vùng kinh tế Việt Nam.

Đối với nhóm ngành công nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, cần hướng tới đổi mới cơ cấu ngành và vùng kinh tế vào các ngành sau:

a) Ngành công nghiệp luyện kim, sắt thép, hóa dầu, xi măng là những ngành sử dụng tài nguyên không tái tạo, gây ô nhiễm môi trường... do vậy, chỉ nên phát triển theo hướng phục vụ nhu cầu nội địa và phải dựa trên những tính toán về hiệu quả kinh tế một cách cụ thể, kết hợp với hợp tác quốc tế theo hướng hiện đại hóa. Việt Nam không nên thực thi chính sách tự cung tự cấp trong những ngành trên, mà cần dành một phần thị trường cho các sản phẩm nhập

khẩu, tạo sức ép cạnh tranh, hình thành một thị trường cạnh tranh thực sự trong chính những ngành này.

b) Ngành công nghiệp chế biến: cơ khí, dệt may, da giày, chế biến nông thủy sản... có thể phát triển theo hướng phục vụ nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

c) Ngành công nghiệp phụ trợ cần được chú trọng phát triển theo định hướng xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài, cũng phải xem việc thu hút FDI là một định hướng quyết định sự phát triển của các ngành công nghiệp phụ trợ.

d) Ngành công nghiệp công nghệ cao không thuộc sở trường của các doanh nghiệp Việt Nam, do vậy những ngành này phải có các chính sách thu hút các doanh nghiệp nước ngoài vào đầu tư là chính với các chính sách, thể chế phù hợp. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải xây dựng các lực lượng nắm giữ một số lĩnh vực công nghệ cao, thực hiện mạnh mẽ chính sách nhập khẩu bằng phát minh sáng chế, cải tiến ứng dụng vào Việt Nam và khuyến khích các doanh nghiệp FDI chuyển giao công nghệ cao cho Việt Nam.

đ) Ngành kinh tế quốc phòng có lợi thế ở Việt Nam cần có chính sách đặc biệt, những ngành này có thể là: dịch vụ tàu biển quốc phòng, lắp ráp đóng các loại tàu chiến, sản xuất các loại quân nhu, sản xuất và lắp ráp các loại vũ khí phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu...

e) Ngành khai thác tài nguyên: khi khai thác và sử dụng đều vấp phải các vấn đề từ môi trường đến an ninh, xã hội. Do vậy, chính sách đối với các tài nguyên này nên theo hướng khai thác sử dụng cho nhu cầu trong nước là chính, cắt giảm và đi tới chấm dứt xuất khẩu tài nguyên thô càng sớm càng tốt, nếu thu hút đầu tư nước ngoài cũng phải theo hướng ưu tiên khai thác, chế biến phục vụ nhu cầu trong nước.

f) Ngành bất động sản bao gồm việc xây dựng các đô thị, các thị trấn, thị xã, các khu thương mại, các khu công nghiệp, các khu kinh tế... là lĩnh vực ngày càng chiếm một giá trị tài sản to lớn và quan trọng trong nền kinh tế đất nước, do vậy cần được quy hoạch hiện đại, cần có những thể chế thông thoáng phù hợp với thông lệ quốc tế để có thể không chỉ thu hút vốn của khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài, mà còn mở rộng cầu của cả trong và nước ngoài đối với sản phẩm của các ngành này.

g) Ngành dịch vụ bao gồm các lĩnh vực thương mại, ngân hàng, tài chính, hậu cần, giáo dục, y tế, dịch vụ tư vấn thiết kế... cần được đặc biệt chú ý ưu tiên phát triển.

h) Ngành bảo vệ môi trường là những ngành mới ở Việt Nam cần được phát triển, từ nghiên cứu nhập khẩu công nghệ mới, đến xử lý ô nhiễm môi trường, lựa chọn những ngành ít gây ô nhiễm môi trường và cấm những ngành gây ô nhiễm...

i) Ngành kết cấu hạ tầng gồm giao thông vận tải, liên lạc, viễn thông, điện, cung cấp và tiêu thải nước... là những ngành tốn nhiều vốn, nhiều đất đai, sử dụng nhiều lao động, phục vụ nhu cầu trong nước là chủ yếu, nhưng lại là tiền đề phát triển cho mọi ngành kinh tế, mức lợi nhuận lại không cao. Do vậy, cần có các chính sách phù hợp để thu hút được mọi nguồn vốn xã hội; cần có những quy hoạch thích hợp để có thể sớm phát huy hiệu quả của các công trình đã được xây dựng, định hướng các công trình này vào những vùng kinh tế trọng điểm hướng ra các cảng biển; cần có các thể chế xây dựng phù hợp để có thể giảm chi phí và rút ngắn thời hạn xây dựng các công trình này... Cho đến nay, đây là nút thắt nghiêm trọng nhất cần được tháo gỡ để phát triển kinh tế Việt Nam, mà trước tiên phải tháo gỡ về thể chế và sự điều hành.

Đối với nhóm ngành nông, lâm, thủy sản.

a) Những ngành này phải phát triển theo hướng mở rộng các trang trại, các công ty kinh doanh, các xí nghiệp chế biến với công nghệ mới đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu trong và ngoài nước. Cần có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông hải sản xuất khẩu.

b) Các ngành lâm sản có vai trò quan trọng không chỉ về kinh tế - xã hội, mà đặc biệt về môi trường. Cần có chính sách đầu tư hấp dẫn đủ sức khuyến khích nông dân trồng, chăm sóc, và bảo vệ rừng, đảm bảo phủ xanh đất rừng trên toàn quốc. Chú trọng nhập các giống cây có giá trị.

c) Các vùng kinh tế trọng điểm của Việt Nam hiện tập trung quanh khu vực Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Cần Thơ. Hiện nay và tương lai, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế và những lợi thế địa kinh tế của Việt Nam, các vùng kinh tế trọng điểm phải có sự điều chỉnh; cần có quy hoạch dài hạn cho sự phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm, trước hết là về kết cấu hạ tầng, về các ngành nghề, về mở cửa thị trường và cơ chế hợp tác; chuyển mạnh các vùng kinh tế trọng điểm hướng ra biển, các ngành công nghiệp chế biến hướng ra các cảng biển để giảm chi phí vận tải, bốc dỡ, đồng thời lập ra các cụm công nghiệp liên hoàn (cluster) về ngành nghề gắn với đô thị để hỗ trợ bổ sung cho nhau trên cơ sở quy hoạch lại các khu hiện có theo hướng các cụm ngành công nghiệp, chứ không phải các khu công nghiệp ô hợp nhiều ngành công nghiệp không liên quan với nhau như hiện nay; các ngành công nghệ cao và dịch vụ có thể sẽ tập trung ở Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và vùng ven biển; phát triển mạnh các loại hình, các khu kinh tế tự do, các đô thị quốc tế chủ yếu nhằm thu hút tầng lớp thượng lưu nước ngoài Âu, Mỹ ở vùng ven biển và

là cửa ngõ lớn nhất cho cả vùng; phát triển các tuyến giao thông hiện đại từ các cảng biển nối với các khu công nghiệp, các đô thị, các khu kinh tế; xây dựng cơ chế hợp tác theo hướng: Hội nghị cấp cao các tỉnh, thành phố trong vùng, các hội chợ vùng, các cơ quan tham mưu, bộ phận thư ký thường trực; chiến lược kinh tế Việt Nam trong hàng chục năm tới phải hướng ra biển để phát triển, lấy lợi thế của biển bù đắp trợ giúp vùng sâu vùng xa. Lý do đơn giản là một đồng vốn bỏ vào vùng ven biển, sẽ sinh lợi lớn hơn các vùng khác.

Thứ bảy, phát triển kết cấu hạ tầng. Phát triển hệ thống giao thông liên hoàn giữa đường biển, đường sông, đường pha sông biển, đường sắt, đường bộ, đường hàng không, đường ống, lấy vận tải container làm hình thức chính; ưu tiên phát triển trước hệ thống vận tải Đông - Tây, trước hết ở hai tuyến phát triển quan trọng, đó là: Hà Nội - Hải Phòng, Tp. Hồ Chí Minh - Bà Rịa-Vũng Tàu, nối các cảng biển với các trung tâm kinh tế, phát triển hệ thống vận tải ven biển, vận tải pha sông biển; hiện đại hóa hệ thống vận tải, trước hết là xây dựng hệ thống đường thủy nội địa hiện đại, các đường sắt hiện đại, hệ thống bốc dỡ hiện đại tại các cảng, các phương tiện liên lạc hiện đại; mở rộng hội nhập quốc tế, trước hết là mở cửa bầu trời đối với vận tải hàng hóa tại một số sân bay quốc tế, thuê nước ngoài quản lý điều hành tại một số cảng quan trọng; xã hội hóa đầu tư phát triển hệ thống giao thông vận tải, xóa bỏ tình trạng độc quyền kinh doanh của một số doanh nghiệp nhà nước, nhưng cần kiểm soát chặt chẽ các dự án BOT để giảm chi phí vận tải.

Ưu tiên đầu tư phát triển mạnh vận tải thủy nội địa trong thời gian tới. Đầu tư xây dựng và cải tạo các cảng biển, cảng đường sông, các tuyến đường sông trên các sông lớn và vừa ở khắp đất nước. Trước hết, khâu quy hoạch các cảng đường sông và

các tuyến đường sông, pha sông biển cần phải được thực hiện sớm; có chính sách khuyến khích về thuế, phí và tín dụng vốn đầu tư cho việc phát triển các đơn vị vận tải đường biển, đường sông và pha sông biển, đặc biệt là phương thức vận tải container; phát triển đa dạng ngành cơ khí đóng tàu biển, tàu sông và tàu pha sông biển phù hợp với các tuyến đường biển, đường sông, sông pha biển cụ thể với các miền đất nước; gấp rút quy hoạch và xây dựng các cảng cạn (ICD) phục vụ phát triển vận tải đường thủy, pha sông biển; trong điều kiện kinh tế thế giới suy giảm hiện nay, nhu cầu vận tải biển suy giảm chính là cơ hội để Việt Nam phát triển vận tải biển phục vụ nhu cầu phát triển đất nước.

Đổi mới chính sách xây dựng và kinh doanh cảng biển. Phải thành lập một cơ quan quản lý chuyên trách, thay vì hiện đang có quá nhiều bộ đứng ra phê duyệt đầu tư và hợp đồng. Việc lập quy hoạch cần đổi mới theo hướng thuê nước ngoài quy hoạch những cảng trung chuyển lớn.

Cần nghiên cứu ban hành một đạo luật về quản lý cảng biển từ quy hoạch, thiết kế, điều hành, kinh doanh không gian mặt nước và mặt đất thuộc cảng... Đạo luật này phải ngang tầm quốc tế, đồng thời phải sửa đổi luật hàng hải sao cho phù hợp.

Thứ tám, xây dựng đô thị hiện đại. Quy hoạch đô thị theo hướng hiện đại. Các đô thị lớn phát triển theo hướng chuyên ngành liên kết sẽ phải ngày càng trở nên phổ biến. Một thành phố lớn có thể có một chuỗi đô thị chuyên ngành như: đô thị tài chính, đô thị mua sắm, đô thị truyền thống, đô thị đại học, đô thị vui chơi giải trí, đô thị công nghiệp điện tử, đô thị công nghiệp dệt may; chuỗi đô thị liên kết với đô thị lớn và các đô thị nhỏ xung quanh, hay theo tuyến, liên kết với các đô thị lớn; các loại đô thị nhỏ ở nông thôn, phát triển dịch vụ, công nghiệp phục vụ nông thôn và liên kết với các đô thị lớn.

Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư xây dựng các đô thị và mở cửa thị trường nhà đất. Đảm bảo hài hòa các lợi ích theo hướng: Nhà nước đầu tư quy hoạch kết cấu hạ tầng ngoài vùng đô thị, nhà đầu tư xây dựng trong khu vực đô thị, người tiêu dùng tham gia đầu tư một phần vốn xây dựng; chuyển từ chế độ “xin-cho” sang chế độ đấu thầu công khai đất đô thị theo “nguyên tắc của thị trường”; mở cửa thị trường nhà ở cao cấp cho người nước ngoài.

Hiện đại hóa chế độ quản lý đô thị theo hướng trao quyền tự quản cao hơn cho các đô thị lớn, vì ở đây dân cư tập trung đông, trình độ phát triển cao hơn, thu ngân sách nhà nước lớn hơn; giảm thiểu các đầu mối quản lý. Ở Quảng Châu (Trung Quốc) chỉ có trên 30 sở, ban, ngành, trong khi các tỉnh thành khác của Trung Quốc là trên 60; hiện đại hóa các dịch vụ đô thị từ cung cấp điện, nước, giao thông liên lạc đến y tế, giáo dục... tạo ra những tụ điểm dân cư đô thị hiện đại có sức phát triển lan tỏa, xây dựng các đô thị thông minh theo tiêu chí quốc tế; bãi bỏ chế độ quản lý hộ khẩu, chuyển sang chế độ đăng ký cư trú, bãi bỏ phân biệt đối xử giữa người thường trú và người nhập cư.

Thứ chín, hiện đại hóa nông thôn. Thể chế đa sở hữu đất đai là thể chế cơ bản cho sự phát triển nông nghiệp, nông thôn của mọi quốc gia phát triển và phải là một định hướng phát triển cho nông thôn Việt Nam. Hình thức kinh doanh phổ biến cho mọi nền nông nghiệp hiện đại hóa phải là các công ty, các hợp tác xã cổ phần, các trang trại. Quốc sách của các nước phát triển hiện đại là nhà nước phải hỗ trợ cho nông nghiệp, nông thôn và nông dân. Thực hiện chính sách “ly nông, bất ly hương” tạo việc làm cho nông dân, nhưng họ vẫn ở nông thôn hoặc các đô thị nông thôn.

Thứ mười, trọng dụng nhân tài vào các cơ quan công quyền quốc gia. Đảng ta đã nêu ra ba giải pháp đột phá: đổi mới thể

chế, xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển nguồn nhân lực. Do vậy, cần thực hiện một số giải pháp sau:

a) Đánh giá và đề bạt cán bộ phải dựa trên thành tích cụ thể, nếu là học sinh phải là học sinh giỏi, nếu là cán bộ thì phải có thành tích xuất sắc chứ không phải chỉ căn cứ vào bằng cấp, cần xem lại chương trình đào tạo tiến sĩ, nên chỉ tập trung đào tạo tiến sĩ cho các trường đại học và viện nghiên cứu.

b) Phải có cơ chế tuyển chọn công chức một cách công bằng, công khai, minh bạch để chọn được người tài ngay từ đầu vào. Mỗi bộ cần lập một hội đồng tuyển dụng công chức. Bộ trưởng phải là Chủ tịch Hội đồng (trước đây ở nước ta các đời vua đã trực tiếp tổ chức thi tuyển chọn quan lại cấp cao).

c) Sau 2 năm thực tập, các cán bộ không đạt được thành tích xuất sắc dứt khoát không được tiếp nhận vào cơ quan công quyền.

d) Cần có chính sách sử dụng các tri thức Việt kiều và người nước ngoài xuất sắc, đủ sức hấp dẫn họ về Việt Nam làm việc cả về lương bổng, điều kiện ăn ở và làm việc.

e) Cần mạnh dạn cử họ giữ các cương vị quản lý quan trọng như: tổng giám đốc các công ty quốc doanh, giám đốc các cơ quan hải quan, trưởng các đặc khu kinh tế, các khu công nghệ cao, chủ nhiệm các khoa, viện trường viện nghiên cứu ở các trường đại học... Ông Lý Quang Diệu đã từng mời người nước ngoài làm bộ trưởng với mức lương khá cao.

g) Xây dựng hai trung tâm giáo dục toàn cầu ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh với chương trình mời các đại học hàng đầu thế giới vào Việt Nam. Các trường này nếu họ được mở ở Việt Nam, thì học sinh Việt Nam không phải đi du học nước ngoài, hơn nữa còn thu hút được các học sinh giỏi nước ngoài vào học. Thủ tướng Việt Nam

nên đích thân đi mời các trường đại học này và dành cho họ những ưu đãi.

h) Các công chức Việt Nam phải được đánh giá công khai minh bạch 2 năm một lần bằng một hội đồng đánh giá độc lập cấp bộ với các chuyên gia trong và ngoài bộ. Nếu không đạt thành tích xuất sắc thì phải thay thế.

4. Kết luận

Những phân tích trên đây cho thấy rõ, cục diện kinh tế thế giới hiện nay có nhiều thay đổi, biến động, phức tạp, khó lường, tác động không nhỏ đến sự ổn định, phát triển của Việt Nam hiện tại cũng như tương lai. Điều đó đòi hỏi Việt Nam phải theo dõi, nắm chắc tình hình, chủ động các giải pháp ứng phó linh hoạt để đưa đất nước phát triển.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [2] Võ Đại Lực (Chủ biên) (2011), *Những vấn đề phát triển kinh tế Việt Nam đến năm 2020*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Võ Đại Lực (2018), “Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9.
- [4] IMF (2018), *Regional Economic Outlook*, November.
- [5] IMF (2019), *World Economic Outlook Update*, January.
- [6] <https://www.adb.org/publications/economic-indicators-eastern-asia-input-output-tables>
- [7] <http://www.oecd.org/eco/going-for-growth.htm>
- [8] http://www.wto.org/english/tratop_e/tpr_e/trade_monitoring_e.htm
- [9] <http://baomoi.com/4-tui-ro-cho-nen-kinh-te-toan-cau-2018/c/24447906.epi>

